

Bản án số: 45/2022/HS-ST  
Ngày 14/7/2022;

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đăng Lý;

Bà Nguyễn Thị Mai;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:**

Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/TLST – HS ngày 29 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hồng C**, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1978; tại xã B, huyện T, thành phố H; nơi cư trú: Thôn Thái Hòa, xã B, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Đức Lưu, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thúy Hoàn, sinh năm 1950; Vợ: Phạm Thị Kim Thoa, sinh năm 1986, con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; tiền sự: không; Tạm giữ: Từ ngày 31/3/2022 đến ngày 09/4/2022, tạm giam: Không; Danh chỉ bản số 100 do Công an huyện T lập ngày 09/4/2022. Có mặt.

**\* Bị hại:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1981; vắng mặt;

Ông Nguyễn Kiêm T, sinh năm 1978; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Bò, xã Hữu Bằng, huyện T, Thành phố H;

**\*Người làm chứng:** Ông Đỗ Đình Luận, sinh năm 1989; vắng mặt;

Trú tại: Thôn Bái Nội, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai, thành phố H;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 23/3/2022, Nguyễn Hồng C (SN 1978, trú tại: thôn Thái Hòa, xã B, huyện T, TP H) điều khiển xe máy đi một mình từ nhà ở đến xưởng sản xuất ở Khu Công nghiệp B cùng thuộc thôn Thái Hòa - xã B để ngủ và trông xưởng. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, C dậy đi vệ sinh và phát hiện trước cửa xưởng sản xuất của anh Nguyễn Kiêm T (SN: 1978, trú tại: xã Hữu Bằng - huyện T - TP H) có để một số bộ bàn ghế nhưng không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số bàn ghế này. C quay lại xưởng mặc áo mưa màu tím, loại trùm toàn thân, có mũ đi đến vị trí đặt số bàn ghế kê trên, sau đó C cầm một thanh gỗ có cạnh vuông dài khoảng 2,5m gạt camera giám sát của xưởng nhà anh T quay đi hướng khác nhằm tránh bị phát hiện. C trộm cắp 02 chiếc ghế dài, 04 ghế con, 01 chiếc bàn và 01 chiếc đôn ở trước cửa xưởng nhà anh T mang sang để sát xưởng nhà C. Sau đó C vén bạt chắn xưởng nhà C, dùng xe đẩy tự chế di chuyển hết số bàn ghế trộm cắp được vào trong xưởng rồi đi ngủ.

Khoảng 06 giờ ngày 24/3/2022, vợ chồng anh T phát hiện camera giám sát tại xưởng sản xuất của mình bị thay đổi hướng quan sát nên đã đến xưởng kiểm tra và phát hiện bị mất 02 ghế dài, 04 ghế con, 01 bàn và 01 đôn để trước cửa xưởng. Anh T kiểm tra camera còn lại thấy có người đi ra đi vào giữa xưởng nhà anh T và xưởng của C nên nghi ngờ số bàn ghế bị mất đang ở trong xưởng của C. Vợ anh T là chị Phan Thị H (SN: 1981, trú tại: Hữu Bằng - T - H) sang xưởng nhà C thì thấy số bàn ghế nhà mình bị mất trộm đang để trong xưởng nhà C nhưng C nói những bàn ghế này là của khách hàng ở xã Hữu Bằng - T thuê phun sơn. Anh T gọi điện thoại cho anh Đỗ Đình Luận (SN: 1989, trú tại: xã Liệp Tuyết - Quốc Oai - H) là người đã làm và bán cho anh T số bàn ghế bị mất trộm, nhờ đến xưởng của C để nhận dạng bàn ghế. Sau khi quan sát những bàn ghế để tại xưởng của C, anh Luận khẳng định những bàn ghế này có đặc điểm giống với những bộ bàn ghế mà anh Luận bán cho anh T ngày 05/3/2022. Sau đó, vợ chồng anh T làm đơn trình báo vụ việc đến Công an xã B.

Ngày 24/3/2022, Công an xã B đã mời bị can C đến trụ sở làm việc nhưng C không thừa nhận đã trộm cắp bàn ghế của xưởng nhà anh T. Đến ngày 30/3/2022, nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật sẽ bị cơ quan Công an điều tra làm rõ nên C đến Công an xã B xin đầu thú và khai rõ nội dung sự việc.

**\* Vật chứng thu giữ:**

- 01 bàn gỗ, hoàn thiện mộc, chưa sơn, kích thước (140x70x48) cm.
- 02 ghế gỗ, hoàn thiện mộc, chưa sơn, kích thước (229x68) cm, có tựa cao 76,5cm.
- 01 ghế gỗ, hoàn thiện mộc, chưa sơn, kích thước (70x50x47,5) cm.
- 04 ghế gỗ, hoàn thiện mộc, chưa sơn, kích thước (67,5x68) cm, có tựa cao 76cm.
- 01 thanh gỗ màu nâu kích thước (2,45x0,05x0,02)m bị can C dùng để chuyển hướng quay của camera.

- 01 xe đẩy (tự chế) có khung hộp kim loại hình chữ nhật, màu trắng xám, kích thước (45x60) cm bị can C dùng để vận chuyển số bàn ghế trộm cắp được vào trong xưởng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 16 ngày 05/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T kết luận: 01 bàn, 04 ghế nhỏ, 02 ghế dài và 01 đôn đều được làm bằng gỗ tần bì, để mộc chưa sơn trong bộ bàn ghế “pháo” có tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

**Về trách nhiệm dân sự** : Bà H và ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Hồng C về tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

*Đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Nguyễn Hồng C từ 09 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 18 -24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị tuyên tịch thu xung quỹ 01 xe đẩy tự chế và tiêu hủy 01 thanh gỗ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng C khai nhận; Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của vợ chồng anh T, chị H. tối ngày 23/3/2022 C đã lấy trộm 02 chiếc ghế dài, 04 chiếc ghế con, 01 chiếc bàn và 01 chiếc đôn để ở trước cửa xưởng nhà anh T, chị H mang về để trong xưởng nhà C. Lời khai nhận tội của bị

cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 24/3/2022 lợi dụng sơ hở của trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Kiêm T (SN 1978 trú tại thôn Bò, xã Hữu Bằng, huyện T, Thành phố H), Nguyễn Hồng C lén lút trộm cắp 01 bàn, 04 ghế nhỏ, 02 ghế dài và 01 đôn đều được làm bằng gỗ tần bì vẫn còn đề mộc, chưa sơn của anh T, chị H. có tổng trị giá là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 12.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Kiêm T và bà Phan Thị H đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe đẩy tự chế và 01 thanh gỗ là pH tiện bị cáo dùng để phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước và tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Hồng C** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện T, Thành phố H quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe đẩy (tự chế); Tịch thu tiêu hủy 01 thanh gỗ; theo biên bản giao nhận vật chứng số 51 ngày 04/7/2022 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện T và Cơ quan điều tra.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận :**

- TAND thành phố H;
- CA, VKSND, THA huyện T;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã B, T;;
- Lưu HS, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Thủy**